

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 3- 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Khêm**
2. Ông **Nguyễn Văn Bé**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03/12/2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21/02/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị S**, sinh năm 1977, có mặt;
Cư trú tại: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
2. *Bị đơn:* Anh **Võ Văn D**, sinh năm 1976, có mặt;
Cư trú tại: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2000, chị có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Võ Văn S và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 con chung tên Võ Thị Ngọc K, sinh năm 2000 đã thành niên, Võ Thị Ngọc L, sinh ngày 25/07/2002 và Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 02/9/2010, hiện nay các con chung đang sống chung với chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong cuộc sống vợ chồng, anh S không biết quan tâm gia đình đi làm không bao giờ cho tiền chị để nuôi con, đánh đập chị,

ghen tuông vô cớ, đi làm ở đâu thì nói chị lấy người đó, không biết phụ chị lo cho các con, chăm lo gia đình để một mình chị gồng gánh, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm nhưng anh S không sửa đổi. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay, cơm ai nấy ăn nhà ai nấy ở không ai quan tâm ai.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận phân chia.

- Về nợ chung: Không có.

Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn S.

- Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung tên Võ Thị Ngọc L, sinh ngày 25/07/2002 và Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 02/9/2010 và chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Đối với Võ Thị Ngọc K, sinh năm 2000 đã thành niên nên không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Văn S trình bày:

Anh Võ Văn S thống nhất với chị Trần Thị D về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị D trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh S thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng, anh có đánh đập chị D nhưng anh đã chặt bỏ ngón tay thề không đánh vợ nữa, anh đã giữ được lời hứa, anh cũng thừa nhận khi anh đi làm anh không có cho tiền chị D. Khi chị D đi làm thuê, anh cũng có nhắn tin nội dung nói không đúng nhưng anh đã xin lỗi rồi. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay, cơm ai nấy ăn nhà ai nấy ở. Nhưng anh muốn vợ anh cho anh một cơ hội nữa về sống đoàn tụ anh hứa sẽ sửa chữa. Anh S không đồng ý ly hôn.

Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Trần Thị D ly hôn với anh về con chung anh đồng ý Võ Thị Ngọc K, sinh năm 2000 đã thành niên nên không yêu cầu còn đối với Võ Thị Ngọc L, sinh ngày 25/07/2002 và Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 02/9/2010 anh S đồng ý cho chị D được nuôi nhưng anh không cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận phân chia nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án con chung Võ Thị Ngọc N có ý kiến: Em là con chung của bà Trần Thị D và ông Võ Văn S. Nếu cha mẹ ly hôn em có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Trần Thị SD

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa con chung Võ Thị Ngọc L có ý kiến: Em là con chung của bà Trần Thị D và ông Võ Văn S. Nếu cha mẹ ly hôn em có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Trần Thị D.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Võ Văn S thống nhất con chung tên Võ Thị Ngọc K, sinh năm 2000 đã thành niên và không yêu cầu. Anh S thống nhất cho chị D được tiếp tục nuôi các con chung Võ Thị Ngọc L, sinh ngày 25/07/2002 và Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 02/9/2010, anh S không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị D và anh Võ Văn S thống nhất đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị D và anh Võ Văn S thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị D yêu cầu được ly hôn nhưng anh Võ Văn S không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Bị đơn anh Võ Văn S cư trú tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Võ Văn S xác lập quan hệ hôn nhân vào 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào năm 2002 theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc chị D xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D xác định giữa chị và anh S không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân hơn 03 tháng nay, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau và ai muốn sống ra sao thì sống. Chị và anh S không tìm được tiếng nói chung, anh S không cùng chị chăm lo cuộc sống, đi làm chưa bao giờ cho tiền chị, hay đánh đập chị, ghen tuông vô cớ, tuy sống ly thân nhưng ở cách nhau khoảng 30m chứ không ai nói tới ai. Anh thừa nhận anh có đánh chị D và không cho tiền chị để lo cho các con nhưng anh muốn được về đoàn tụ để nuôi các con, anh cũng thừa nhận hai vợ chồng sống ly thân hơn 03 tháng nay không ai nói tới ai, mạnh ai người đó sống nhưng anh muốn chị D cho anh một cơ hội để về sống đoàn tụ. Xét thấy, từ khoảng thời gian sống ly thân cho đến khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải để cho các bên về sống đoàn tụ nhưng cho đến nay giữa chị D và anh S vẫn không tạo được cơ hội nào để hàn gắn với nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh S đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Võ Văn S.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Võ Văn S thống nhất con chung tên Võ Thị Ngọc K, sinh năm 2000 đã thành niên và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Võ Văn S đối với các con chung tên Võ Thị Ngọc L, sinh ngày 25/07/2002 và Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 02/9/2010 cho chị Trần Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn sống chung với chị D.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị D và anh Võ Văn S thống nhất đã tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Thị D và anh Võ Văn S thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D; Cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Võ Văn S.

2. Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Võ Văn S thống nhất con chung tên Võ Thị Ngọc K, sinh năm 2000 đã thành niên nên không xem xét. Chị Trần Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Võ Thị Ngọc L, sinh ngày 25/07/2002 và Võ Thị Ngọc N, sinh ngày 02/9/2010 là phù hợp với nguyện vọng được sống chung với chị D của các con chung. Anh Võ Văn S không phải cấp dưỡng nuôi các con chung do chị Trần Thị D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị D và anh Võ Văn S thống nhất đã tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị D và anh Võ Văn S thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006447, ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Trần Thị D đã nộp đủ án phí. Anh Võ Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh